

Số: 86/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy
định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng;*

*Xét Tờ trình số 3260/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Cao Bằng dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu*

tu công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND và điều chỉnh phần vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này, cụ thể như sau:

1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương:

a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí)

Điều chỉnh giảm 221.260 triệu đồng vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí) chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí) chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 362.360,804 triệu đồng còn 141.100,804 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 2 kèm theo)

b) Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

Điều chỉnh giảm 150.101 triệu đồng vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 350.101 triệu đồng còn 200.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 2 kèm theo)

c) Vốn xổ số kiến thiết

Điều chỉnh giảm 15.702,215 triệu đồng vốn xổ số kiến thiết chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn xổ số kiến thiết chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 36.150 triệu đồng còn 20.447,785 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 2 kèm theo)

2. Tăng thu ngân sách địa phương

a) Điều chỉnh giảm 500.000 triệu đồng phần vốn đã phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND. Phần giảm 500.000 triệu đồng chuyển sang phần vốn chưa đủ điều kiện giao chi tiết tại Nghị quyết này.

b) Điều chỉnh giảm 655.549 triệu đồng vốn tăng thu ngân sách địa phương chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

c) Sau điều chỉnh, số vốn tăng thu ngân sách địa phương chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 2.053.235,537 triệu đồng còn 1.897.686,537 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 3 kèm theo)

3. Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh

a) Điều chỉnh giảm 93.000 triệu đồng phần vốn đã phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND. Phần giảm 93.000 triệu đồng chuyển sang phần vốn chưa đủ điều kiện giao chi tiết tại Nghị quyết này.

b) Điều chỉnh giảm 1.055.047 triệu đồng nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

c) Sau điều chỉnh, nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 1.092.483 triệu đồng còn 130.436 triệu đồng

(Chi tiết tại biểu số 4 kèm theo)

Điều 2. Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Đối với các dự án chưa đủ điều kiện giao vốn theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua. *lđh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Trung tâm thông tin- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê



Biểu số 1

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỈNH CAO BẮNG

(Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	Điều chỉnh		Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	4.156.330,341	2.097.659,215	593.000,000	2.651.671,126	
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	748.611,804	387.063,215		361.548,589	
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn trung trong nước (tính bổ trợ)	362.360,804	221.260,000		141.100,804	Biểu số 2
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	350.101,000	150.101,000		200.000,000	Biểu số 2
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	36.150,000	15.702,215		20.447,785	Biểu số 2
II	Tăng thu ngân sách địa phương	2.053.235,537	655.549,000	500.000,000	1.897.686,537	Biểu số 3
III	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý sở làm việc các cơ quan tỉnh	1.092.483,000	1.055.047,000	93.000,000	130.436,000	Biểu số 4
IV	Vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác	262.000,000			262.000,000	Không thực hiện điều chỉnh

Ghi chú: Phần vốn điều chỉnh giảm tại cột 4 chính là phần vốn phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này

Biểu số 2

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021)		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn cân đối NSDP	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn cân đối NSDP	
1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ		1.016.372.407	431.701.000		748.611.804	387.063.215	387.063.215	1.065.992.000	748.611.804	
A	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (Tinh bố trí)		612.582.000	219.000.000		362.360.804	221.260.000	221.260.000	585.342.000	362.360.804	
A.1	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021		612.582.000	219.000.000		362.360.804	221.260.000	221.260.000	585.342.000	362.360.804	
A.1.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết					362.360.804	221.260.000			141.100.804	
A.1.2	Phân bổ chi tiết		612.582.000	219.000.000				221.260.000	585.342.000	221.260.000	
I	Quốc phòng		61.000,000	37,000,000				37,000,000	61,000,000	37,000,000	
(I)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		61.000,000	37,000,000				37,000,000	61,000,000	37,000,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025										
	Dự án nhóm C										
1	Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	2032/QĐ-UBND; 29/10/2021	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
2	Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Quang Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	2031/QĐ-UBND; 29/10/2021	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
3	Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Cô Ba, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	2033/QĐ-UBND; 29/10/2021	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Kéo Yên (cũ) làm nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2217/QĐ-UBND, 22/11/2021	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
5	Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Khâm Thành, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	2149/QĐ-UBND; 12/11/2021	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	

6	Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Lý Quốc, huyện Hòa, tỉnh Cao Bằng	2150/QĐ-UBND; 12/11/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000					
7	Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Cácob, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	2151/QĐ-UBND; 12/11/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000					
8	Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Cốc Pàng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	2167/QĐ-UBND; 15/11/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000					
9	Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Lãng Hiếu, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	2166/QĐ-UBND; 15/11/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000					
10	Các dự án đầu tư cho khu vực phòng thủ huyện, tỉnh (09 dự án)		52.000,000	28.000,000	28.000,000	28.000,000	28.000,000	28.000,000	28.000,000	28.000,000	52.000,000	28.000,000				Các dự án có tính chất mắt xích ngành quốc phòng
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		150.000,000	50.000,000	50.000,000	50.000,000	50.000,000	50.000,000	50.000,000	50.000,000	150.000,000	50.000,000				
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025															
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025															
	Dự án nhóm B															
1	Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng	8402/QĐ-BCA-H01 ngày 18/10/2021 của Bộ Công an	150.000,000	50.000,000	50.000,000	50.000,000	50.000,000	50.000,000	50.000,000	50.000,000	150.000,000	50.000,000				
III	Phát thanh, truyền hình, thông tin		10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000				
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025															
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025															
	Dự án nhóm C															
1	Đầu tư hệ thống thiết bị và chuyển đổi số quy trình nghiệp vụ sản xuất, hệ thống lưu trữ chương trình truyền hình HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng	2178/QĐ-UBND, 18/11/2021	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000				
IV	Bảo vệ môi trường		40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000				
IV.1	Môi trường		40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	40.000,000				
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025															
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025															
	Dự án nhóm C															
1	Xử lý rác thải ô nhiễm nghiêm trọng và xây dựng bãi rác mới tại xóm Tân Thịnh, xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.	2215/QĐ-UBND; 22/11/2021	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000				
2	Xử lý, nâng cấp và cải tạo bãi rác thị trấn Pác Miếu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	2216/QĐ-UBND; 22/11/2021	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000				
3	Xử lý, nâng cấp và cải tạo bãi rác thị trấn Trưng Khánh, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	2214/QĐ-UBND; 22/11/2021	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000				

V	Các hoạt động kinh tế	22.000,000	22.000,000	22.000,000	22.000,000	22.000,000	22.000,000	22.000,000	22.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
V.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025									Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
	Dự án nhóm C									
1	Sửa chữa cấp bách công ngầm lấy nước và một số đoạn kênh xung yếu công trình hồ Bán Viêt, xã Phong Châu, xã Chi Viễn, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
V.2	Giao thông	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025									
	Dự án nhóm C									
1	Đường nối nút giao I42 - I43 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên đường phía Nam Khu đô thị mới thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	12.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
V.3	Công nghệ thông tin	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025									
	Dự án nhóm C									
1	Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy Cao Bằng (giai đoạn 2)	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
VI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	79.582,000	79.582,000	79.582,000	79.582,000	79.582,000	79.582,000	79.582,000	79.582,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	79.582,000	79.582,000	79.582,000	79.582,000	79.582,000	79.582,000	79.582,000	79.582,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025									
	Dự án nhóm C									
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	6.000,000	6.000,000	6.000,000	6.000,000	6.000,000	6.000,000	6.000,000	6.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
2	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	11.000,000	11.000,000	11.000,000	11.000,000	11.000,000	11.000,000	11.000,000	11.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
3	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc xã Văn Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
4	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Thượng Hà, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
5	Xây mới trụ sở UBND xã Thống Nhất, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
6	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	6.082,000	6.082,000	6.082,000	6.082,000	6.082,000	6.082,000	6.082,000	6.082,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.
7	Cải tạo, nâng cấp trụ sở xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	6.000,000	6.000,000	6.000,000	6.000,000	6.000,000	6.000,000	6.000,000	6.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDĐT dự án.



8	Xây dựng mới trụ sở làm việc xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng - giai đoạn 1	2233/QĐ-UBND; 22/11/2021	7.500,000	2.500,000					2.500,000	7.500,000	2.500,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDT dự án.
9	Xây mới trụ sở làm việc xã Đức Hồng, huyện Trung Kiên, tỉnh Cao Bằng	2212/QĐ-UBND; 22/11/2021	7.500,000	5.000,000					5.000,000	7.500,000	5.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDT dự án.
10	Cải tạo, nâng cấp trụ sở xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	2197/QĐ-UBND; 19/11/2021	3.000,000	3.000,000					3.000,000	3.000,000	3.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDT dự án.
11	Xây mới trụ sở UBND xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	2225/QĐ-UBND; 22/11/2021	9.500,000	5.000,000					5.000,000	9.500,000	5.000,000	Huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại trong TMDT dự án.
VII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		250.000,000	20.000,000					20.000,000	220.500,000	20.000,000	
(I)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		250.000,000	20.000,000					20.000,000	220.500,000	20.000,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025											
	Dự án nhóm B											
I	Khu tái định cư 2 khu đô thị mới, thành phố Cao Bằng	2497/QĐ-UBND; 09/12/2020	250.000,000	20.000,000					20.000,000	220.500,000	20.000,000	
VIII	Trả phí, lãi vay các dự án ODA								2.260,000	2.260,000	2.260,000	
B	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		378.500,000	190.101,000				350.101,000	150.101,000	444.500,000	350.101,000	
B.1	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 68/NQ- HĐND ngày 29/9/2021		378.500,000	190.101,000				350.101,000	150.101,000	444.500,000	350.101,000	
B.1.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết							350.101,000	150.101,000	135.500,000	200.000,000	
B.1.2	Phân bổ chi tiết		378.500,000	190.101,000					150.101,000	309.000,000	150.101,000	
B.1.2.1	Bổ trí cho dự án thực hiện nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận xây dựng CSDL đất đai chính lý hồ sơ địa chính		22.000,000	22.000,000					22.000,000	22.000,000	22.000,000	
I	Bảo vệ môi trường		22.000,000	22.000,000					22.000,000	22.000,000	22.000,000	
I.1	Tài nguyên		22.000,000	22.000,000					22.000,000	22.000,000	22.000,000	
(I)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		22.000,000	22.000,000					22.000,000	22.000,000	22.000,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025											
	Dự án nhóm C											
1	Điều chỉnh hồ sơ địa chính các xã, huyện sau sáp nhập	2012/QĐ-UBND, 27/10/2021	22.000,000	22.000,000					22.000,000	22.000,000	22.000,000	
B.1.2.2	Xây dựng nông thôn mới		56.500,000	18.500,000					18.500,000	56.500,000	18.500,000	
I	Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn		56.500,000	18.500,000					18.500,000	56.500,000	18.500,000	
1	Huyện Hòa An		10.500,000	4.500,000					4.500,000	10.500,000	4.500,000	
2	Huyện Hà Quảng		5.500,000	1.500,000					1.500,000	5.500,000	1.500,000	
3	Huyện Bảo Lâm		5.000,000	1.000,000					1.000,000	5.000,000	1.000,000	
4	Huyện Bảo Lạc		5.000,000	1.000,000					1.000,000	5.000,000	1.000,000	



5	Huyện Nguyên Bình	6.500,000	2.500,000				2.500,000	6.500,000	2.500,000
6	Huyện Thạch An	5.000,000	1.000,000				1.000,000	5.000,000	1.000,000
7	Huyện Hạ Lang	5.000,000	1.000,000				1.000,000	5.000,000	1.000,000
8	Huyện Quảng Hòa	6.500,000	2.500,000				2.500,000	6.500,000	2.500,000
9	Huyện Trưng Khánh	6.500,000	2.500,000				2.500,000	6.500,000	2.500,000
10	Thành phố Cao Bằng	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000
B.1.2.3	Thực hiện các dự án đầu tư	300.000,000	149.601,000				109.601,000	230.500,000	109.601,000
I	Các hoạt động kinh tế	50.000,000	50.000,000				10.000,000	10.000,000	10.000,000
I.1	Thương mại	50.000,000	50.000,000				10.000,000	10.000,000	10.000,000
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	50.000,000	50.000,000				10.000,000	10.000,000	10.000,000
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025								
	Dự án nhóm C								
I	Khu phức hợp chợ, bãi đỗ xe, mặt bằng phục vụ các hoạt động thương mại dịch vụ tại khu vực Khu tái định cư 1, thành phố Cao Bằng	50.000,000	50.000,000				10.000,000	10.000,000	10.000,000
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	250.000,000	99.601,000				99.601,000	220.500,000	99.601,000
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	250.000,000	99.601,000				99.601,000	220.500,000	99.601,000
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025								
	Dự án nhóm B								
I	Khu tái định cư 2 khu đô thị mới, thành phố Cao Bằng	250.000,000	99.601,000				99.601,000	220.500,000	99.601,000
C	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25.290,407	22.600,000				15.702,215	36.150,000	36.150,000
C.1	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 68/NQ- HDND ngày 29/9/2021	25.290,407	22.600,000				15.702,215	36.150,000	36.150,000
C.1.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết						15.702,215	36.150,000	20.447,785
C.1.2	Phân bổ chi tiết	25.290,407	22.600,000				15.702,215	15.702,215	15.702,215
I	Xây dựng nông thôn mới	10.290,407	7.600,000				702,215	702,215	702,215
(1)	Danh mục dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020	10.290,407	7.600,000				702,215	702,215	702,215
I	Nhà văn hóa xã Quảng Hưng, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng (Nay là huyện Quảng Hòa)	3.000,000	2.000,000				200,000	200,000	200,000
2	Sân vận động xã Ngọc Côn, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	2.200,000	2.000,000				202,499	202,499	202,499
3	Nhà văn hóa và sân vận động xã Huy Giáp, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	2.630,000	1.600,000				200,000	200,000	200,000

4	Nhà văn hóa xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	183/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019	2.460,407	2.000,000				99,716	99,716	99,716	99,716	99,716	99,716
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		15.000,000	15.000,000				15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		15.000,000	15.000,000				15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000	15.000,000
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm C												
1	Trường tiểu học Quý Quán, xã Quý Quán, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2218/QĐ-UBND, 22/11/2021	5.000,000	5.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000
2	Trường tiểu học và THCS Cổ Mười, xã Quang Hãn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	2145/QĐ-UBND, 12/11/2021	5.000,000	5.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000
3	Trường tiểu học Dân Chủ, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	1785/QĐ-UBND, 30/9/2021	5.000,000	5.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000



Biểu số 2.1

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠ VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Biểu này gồm 09 dự án có tính chất mật thuộc ngành Quốc phòng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021)		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn cân đối NSDP		
			6	7	8	9	10	11	12	13	
1	2	5									14
	TỔNG SỐ										
A	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bổ trợ)		52.000,000	28.000,000	28.000,000	28.000,000	28.000,000	28.000,000	52.000,000	28.000,000	
A.1	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chỉ tiết tại NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021		52.000,000	28.000,000	28.000,000	28.000,000	28.000,000	28.000,000	52.000,000	28.000,000	
A.1.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chỉ tiết					28.000,000	28.000,000				
A.1.2	Phân bổ chỉ tiết		52.000,000	28.000,000	28.000,000				52.000,000	28.000,000	
I	Quốc phòng		52.000,000	28.000,000	28.000,000				52.000,000	28.000,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		52.000,000	28.000,000	28.000,000				52.000,000	28.000,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025										
	Dự án nhóm C										
1	Cải tạo xây dựng các công trình trong KVPT huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	311/QĐ-UBND.m, ngày 18/11/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	Mất
2	Cải tạo xây dựng các công trình trong KVPT huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	312/QĐ-UBND.m, ngày 18/11/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	Mất
3	Cải tạo xây dựng các công trình trong KVPT huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	315/QĐ-UBND.m, ngày 19/11/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	Mất
4	Cải tạo xây dựng các công trình trong KVPT huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	316/QĐ-UBND.m, ngày 19/11/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	Mất
5	Cải tạo xây dựng các công trình trong KVPT huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	317/QĐ-UBND.m, ngày 19/11/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	Mất
6	Xây dựng sơ chi huy phía trước Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, huyện Quang Hóa, tỉnh Cao Bằng	322/QĐ-UBND.m, ngày 22/11/2021	3.000,000	3.000,000	3.000,000				3.000,000	3.000,000	Mất
7	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình trong căn cứ chiến đấu huyện Trưng Khanh, tỉnh Cao Bằng	318/QĐ-UBND.m, ngày 19/11/2021	1.000,000	1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	Mất

8	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình trong căn cứ quân sự huyện Hà Dương, tỉnh Cao Bằng. 09/OD-UBND m, ngày 19/11/2021	1.000.000	1.000.000				1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	Mặt
9	Xây dựng các công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Cao Bằng năm 2026. 09/OD-UBND m, ngày 19/11/2021	42.000.000	18.000.000				18.000.000	42.000.000	18.000.000	18.000.000	Mặt



yn

1	Nhà văn hóa số 12, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	2239/QĐ-UBND; 22/11/2021	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	Dự án phát triển quỹ đất, ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định
IV	Các hoạt động kinh tế		3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	
IV.1	Công nghệ thông tin		3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025									
	Dự án nhóm C									
1	Xây dựng hệ thống các điểm cầu truyền hình trực tuyến phiên tòa	2195/QĐ-UBND; 19/11/2021	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025									
	Dự án nhóm B									
1	Tru sở làm việc HDND - UBND - Đoàn ĐBQH tỉnh Cao Bằng	2066/QĐ-UBND; 4/11/2021	365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	365.000.000	
VI	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025									
	Dự án nhóm B									
1	Khu tái định cư 2 khu đô thị mới, thành phố Cao Bằng	2497/QĐ-UBND; 09/12/2020	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	
B.2.3	Quỹ phát triển đất		331.000.000	331.000.000	331.000.000	331.000.000	331.000.000	331.000.000	331.000.000	
I	Các dự án vay vốn từ quỹ phát triển đất		331.000.000	331.000.000	331.000.000	331.000.000	331.000.000	331.000.000	331.000.000	
	Dự án nhóm C									
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị khu dân cư số 2, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	2245/QĐ-UBND; 22/11/2021	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	Dự án phát triển quỹ đất, ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định
2	Khu tái định cư Hiến Lễ, xã Lăng Hiếu, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	2236/QĐ-UBND; 22/11/2021	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000	Dự án phát triển quỹ đất, ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định
3	Xây dựng khu tái định cư, phát triển quỹ đất thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	2235/QĐ-UBND; 22/11/2021	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	Dự án phát triển quỹ đất, ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định
4	Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2224/QĐ-UBND; 22/11/2021	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	Dự án phát triển quỹ đất, ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định
5	Khu tái định cư đường tránh thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	2227/QĐ-UBND; 22/11/2021	32.000.000	32.000.000	32.000.000	32.000.000	32.000.000	32.000.000	32.000.000	Dự án phát triển quỹ đất, ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định
6	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư mới xóm 1 Bế Triều, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	2228/QĐ-UBND; 22/11/2021	53.625.000	53.625.000	53.625.000	53.625.000	53.625.000	53.625.000	53.625.000	Dự án phát triển quỹ đất, ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị khu dân cư số 1, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	2240/QĐ-UBND; 22/11/2021	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	Dự án phát triển quỹ đất, ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định
8	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư mới xóm Bàn Sặng, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	2229/QĐ-UBND; 22/11/2021	15.375.000	15.375.000	15.375.000	15.375.000	15.375.000	15.375.000	15.375.000	Dự án phát triển quỹ đất, ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định



JK

9	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư Dự Hoàng mới, 223/00B-VBND; thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. 223/12/021	31.000.000	31.000.000	31.000.000	31.000.000	31.000.000	Dự án phát triển quỹ đất, tăng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định
10	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị khu dân cư số 7, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. 224/00B-VBND; 22/12/021	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000	Dự án phát triển quỹ đất, tăng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định
11	Khu tái định cư Đường Lương (giai đoạn 2), huyện Trung Khánh, tỉnh Cao Bằng. 223/00B-VBND; 22/12/021	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	Dự án phát triển quỹ đất, tăng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và hoàn trả theo quy định

yl

Biểu số 3.1

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN TĂNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (BẢO GỒM TĂNG THU TỪ SỬ DỤNG ĐẤT) GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Biểu này gồm 01 dự án có tính chất mật thuộc ngành Quốc phòng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NO số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021)		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
					TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG				42.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000	42.000.000	24.000.000	
A	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021				42.000.000	24.000.000		24.000.000	24.000.000	24.000.000	42.000.000	24.000.000	
A.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết							24.000.000	24.000.000				
A.2	Phân bổ chi tiết									24.000.000	42.000.000	24.000.000	
I	Quốc phòng									24.000.000	42.000.000	24.000.000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025												
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm C												
I	Xây dựng các công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Cao Bằng năm 2026	NB	2023-2025	320/QĐ-UBND, ngày 19/11/2021	42.000.000	24.000.000				24.000.000	42.000.000	24.000.000	

1	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng	2019/QĐ-UBND 27/10/2021	10.547,000	9.547,000					9.547,000	10.547,000	9.547,000
2	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng	2199/QĐ-UBND 4/1/2021	14.467,000	10.500,000					10.500,000	14.467,000	10.500,000



